

Số: 47 /2022/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 20 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ và xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ và đường sắt; hàng không dân dụng;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-

BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2675/TTr-SGTVT ngày 16/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý, bảo vệ và xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2022.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải (b/c);
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để k/tra);
- TTr Tỉnh ủy (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư Pháp;
- Công thông tin điện tử tỉnh Nghệ An;
- Lưu VT, CN (H.Tuấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, bảo vệ và xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/2022/QĐ-UBND ngày .. tháng .. năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về quản lý, bảo vệ và xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Nghệ An, bao gồm: Phân cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng, khai thác và xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đầu nối đường nhánh vào đường bộ; xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Các nội dung khác về quản lý, bảo vệ và xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng và xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Hệ thống đường bộ bao gồm: Các tuyến, đoạn tuyến đường bộ cao tốc và quốc lộ thuộc địa bàn tỉnh Nghệ An; các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng và đường giao thông nông thôn.

2. Cơ quan quản lý đường bộ là Cục Quản lý đường bộ II, Sở Giao thông vận tải Nghệ An, Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam (Ban QLKKT Đông Nam), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã).

3. Đơn vị quản lý đường bộ là các tổ chức được giao trực tiếp thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

4. Thanh tra đường bộ là Thanh tra Sở Giao thông vận tải Nghệ An và Thanh tra các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành giao

thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

5. Vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 8, khoản 2 Điều 35 và Điều 36 Luật Giao thông đường bộ năm 2008; vi phạm quy định tại các Điều 26, 27, 28 và 29 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; vi phạm quy định tại các Điều 7, 10, 12, 38, 45 và 46 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; vi phạm quy định tại Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT và các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 12, 13, 14, 15, 20, 25 và 33 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

6. Cơ quan Công an là Công an tỉnh, Công an cấp huyện và Công an cấp xã.

Điều 4. Phân cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Sở Giao thông vận tải quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến quốc lộ và các tuyến đường tỉnh được giao quản lý.

2. Ban QLKKT Đông Nam quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường huyện, đường đô thị thuộc phạm vi quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường xã, đường giao thông nông thôn thuộc phạm vi quản lý.

Chương II

SỬ DỤNG, KHAI THÁC VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Đất dành cho đường bộ chỉ để xây dựng công trình đường bộ và công trình sử dụng, khai thác cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ, trừ một số công trình thiết yếu không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo Điều 26 và Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Điều 10 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương để chấp thuận việc sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường đô thị vào mục đích khác phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.



Điều 6. Xác định phạm vi quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Phạm vi quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bao gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

2. Đối với đường địa phương: Cơ quan quản lý đường bộ lập kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện việc xác định phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ theo quy định để cắm mốc xác định phạm vi đất của đường bộ, mốc lộ giới, mặt cắt ngang đường theo quy hoạch đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý tại Điều 4 Quy định này.

3. Sau khi hoàn thành việc cắm mốc xác định phạm vi đất của đường bộ và mốc lộ giới, cơ quan chủ trì cắm mốc bàn giao các mốc và hồ sơ cắm mốc cho Ủy ban nhân dân cấp xã có tuyến đường đi qua để quản lý và bảo vệ.

Điều 7. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

1. Đối với đường cao tốc, quốc lộ: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT và hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

2. Đối với đường địa phương: chủ đầu tư công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 4 Quy định này để được xem xét chấp thuận.

3. Chỉ chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu đối với các trường hợp: Sửa chữa công trình thiết yếu; công trình đường dây tải điện, thông tin, viễn thông vượt phía trên đường tỉnh có cột nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng phải bảo đảm quy định về phạm vi bảo vệ trên không, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP và Quy định này.

4. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu đối với đường địa phương và thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

Điều 8. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

1. Đối với đường cao tốc, quốc lộ: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT; hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Điều 12 của Quy định này.



2. Đối với đường địa phương: Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 4 Quy định này cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.

3. Về thủ tục, hồ sơ cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu.

Thủ tục và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu đối với đường địa phương và thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT. Cơ quan cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm kiểm tra việc đảm bảo chất lượng và thời hạn đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu.

Điều 9. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường bộ đang khai thác

1. Đối với đường cao tốc, quốc lộ: thực hiện theo Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Điều 12 của Quy định này.

2. Đối với đường địa phương:

a) Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường bộ đang khai thác (trừ các dự án do cơ quan quản lý đường bộ là chủ đầu tư trên các tuyến đường được giao quản lý), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án đảm bảo an toàn giao thông đến cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 4 Quy định này để được xem xét chấp thuận;

b) Chủ đầu tư dự án hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên các tuyến đường bộ đang khai thác phải đề nghị cơ quan quản lý đường bộ cấp phép thi công bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường được giao quản lý. Hồ sơ đề nghị và thời hạn giải quyết chấp thuận, cấp giấy phép thi công công trình đối với đường địa phương theo mẫu quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT;

c) Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp Giấy phép thi công nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Chương III

ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG BỘ

Điều 10. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh, bao gồm:



a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị;

b) Đường chuyên dùng;

c) Đường gom, đường nối từ đường gom;

d) Đường từ các khu vực, dự án công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội (trường học, trung tâm thương mại, cây xăng dầu, cơ sở sản xuất kinh doanh,...).

2. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh thực hiện theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô, báo hiệu đường bộ.

4. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh:

Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên được xác định, như sau:

a) Trong khu vực nội thành, nội thị: Khoảng cách giữa các điểm đầu nối theo quy định tại khoản 1 Điều này nằm trong khu vực nội thành, nội thị được xác định theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối không nhỏ hơn trị số tối thiểu giữa hai đường theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

b) Ngoài khu vực nội thành, nội thị: Khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, đối với tuyến đường từ cấp II trở lên không nhỏ hơn 500m/điểm, đối với tuyến đường có dải phân cách giữa và đường từ cấp III trở xuống không nhỏ hơn 300m/điểm.

c) Trường hợp khu vực có địa hình mà hành lang đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác khó khăn trong việc di dời, các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng, công trình quan trọng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề nhỏ hơn khoảng cách theo quy định tại điểm b khoản này thì phải được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận; đồng thời đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về các yếu tố hình học, quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành, an toàn giao thông, tổ chức giao thông tại vị trí đầu nối.

5. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ hoặc các dự án xây dựng dọc theo đường tỉnh phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và phải có đường gom nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ; các điểm đầu nối từ đường gom vào đường tỉnh phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại khoản 5 Điều này.



6. Chủ đầu tư công trình đấu nối căn cứ quy chuẩn thi công hiện hành, tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông để lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ xem xét chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

7. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đấu nối tạm thời có thời hạn để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc: Chủ đầu tư công trình đấu nối phải căn cứ tiêu chuẩn, thiết kế đường giao thông hiện hành để lập và gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Quy định này đến cơ quan quản lý đường bộ xem xét chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của điểm đấu nối tạm thời vào đường tỉnh và cấp phép thi công; thời hạn sử dụng điểm đấu nối tạm bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đấu nối tạm không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư công trình có trách nhiệm xóa bỏ điểm đấu nối tạm, hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu; thực hiện đấu nối theo quy định.

8. Chủ đầu tư, chủ sử dụng nút giao đấu nối phải tự sửa chữa hoặc cải tạo nút giao và không được bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 11. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường tỉnh

1. Trước khi nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới nút giao, chủ đầu tư công trình, dự án gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công của nút giao đấu nối vào đường tỉnh.

2. Hồ sơ và thời hạn giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Các dự án đường bộ xây dựng mới có đấu nối vào đường tỉnh đã được Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Giao thông vận tải phê duyệt, không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông.

4. Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp giấy phép thi công theo quy định; Nút giao đấu nối vào đường tỉnh chỉ được thi công sau khi đã được cấp phép thi công.

5. Nút giao đấu nối phải được cơ quan cấp phép thi công kiểm tra và chấp thuận đảm bảo an toàn giao thông trước khi đưa vào khai thác, sử dụng.

6. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn thành công trình để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.



7. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao và phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi cải tạo, nâng cấp nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

Điều 12. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ

1. Đối với các dự án khu công nghiệp, dịch vụ thương mại, cơ sở sản xuất kinh doanh, cửa hàng xăng dầu... đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận xây dựng nằm dọc các tuyến đường bộ hiện đang hoạt động thì được phép tồn tại, nhưng phải thực hiện các thủ tục về đấu nối theo quy định để đảm bảo an toàn giao thông.

2. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, công trình nhà ở được pháp luật thừa nhận đang tồn tại trong đất hành lang an toàn đường bộ nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì phải giữ nguyên hiện trạng không được coi nói, mở rộng, nâng cấp; trường hợp cần thiết có nhu cầu xây dựng công trình tạm, cải tạo, sửa chữa thì phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ kiểm kê đất, tài sản trên đất để có cơ sở đền bù hoặc thống nhất phương án sửa chữa; thực hiện di dời khi nhà nước có quyết định thu hồi đất theo quy định.

3. Trường hợp sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ tiến hành thống kê, xác định mức độ ảnh hưởng, đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có trước khi hành lang an toàn đường bộ được công bố.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 13. Nguyên tắc phối hợp xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định để thực hiện xử lý các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; việc xử lý vi phạm phải tuân thủ các quy định của pháp luật và thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm được giao.

2. Mọi hành vi vi phạm quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh; thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Trường hợp vụ việc vi phạm liên quan đến chức năng quản lý của nhiều ngành, địa phương hoặc có nội dung phức tạp, cần có sự tham gia giải quyết của nhiều cơ quan, đơn vị thì các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp xử lý để bảo đảm tính hiệu quả, phù hợp; quá trình phối hợp phải có cơ quan/đơn vị chủ trì, cơ quan/đơn vị phối hợp và thực hiện theo nguyên tắc sau:



a) Thanh tra đường bộ chủ trì xử lý các hành vi vi phạm: liên quan đến thủ tục chấp thuận, cấp giấy phép thi công công trình đấu nối vào đường bộ, công trình thi công trên đường bộ đang khai thác, công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ; các hành vi xâm hại công trình đường bộ (trừ hành vi trộm cắp, phá hoại công trình đường bộ và tài sản đường bộ); chấp thuận xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo trong hành lang an toàn đường bộ và các vi phạm quy định về sử dụng đất dành cho đường bộ mà diện tích đất đó đã được thu hồi, bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì xử lý các hành vi vi phạm: quy định về sử dụng hành lang an toàn đường bộ; vi phạm quy định về sử dụng đất dành cho đường bộ mà diện tích đất đó chưa được thu hồi, bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ quản lý; vi phạm quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên đất dành cho đường bộ mà đất đó đang được sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai năm 2013, khoản 4 Điều 43 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP; các hành vi trộm cắp, phá hoại công trình và tài sản đường bộ.

Điều 14. Các bước phối hợp xử lý vi phạm và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Các vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Quy định này phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời; cơ quan, đơn vị có liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện theo trình tự các bước, cụ thể như sau:

a) Các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 trên các tuyến quốc lộ và đường tỉnh: Đơn vị quản lý đường bộ kịp thời phát hiện vi phạm, thực hiện các biện pháp buộc chấm dứt hành vi vi phạm, lập biên bản sự việc và phối hợp với cơ quan quản lý, sử dụng công trình đường bộ xử lý các bước ban đầu để ngăn chặn vi phạm; chuyển vụ việc đến Thanh tra đường bộ để xử lý vi phạm hành chính theo quy định;

b) Các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 trên các tuyến quốc lộ và đường tỉnh: Đơn vị quản lý đường bộ kịp thời phát hiện vi phạm, thực hiện các biện pháp buộc chấm dứt hành vi vi phạm, lập biên bản sự việc và phối hợp với cơ quan quản lý, sử dụng công trình đường bộ xử lý các bước ban đầu để ngăn chặn vi phạm; chuyển vụ việc đến Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị xử lý vi phạm hành chính; trường hợp vượt quá thẩm quyền thì Chủ tịch UBND cấp xã chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị xử lý vi phạm hành chính theo quy định;

c) Các hành vi vi phạm xảy ra trên các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường xã: Cán bộ, công chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị quản lý đường huyện, đường xã, đường đô thị khi thực hiện nhiệm vụ được giao phát hiện vi

phạm, kịp thời lập biên bản vụ việc vi phạm, yêu cầu đối tượng vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả; chuyển vụ việc vi phạm đến người có thẩm quyền để xử lý vi phạm hành chính theo quy định; trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt thì Chủ tịch UBND cấp xã chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Các chức danh của cơ quan Thanh tra đường bộ xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và các nội dung liên quan của Quy định này;

b) Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, lĩnh vực giao thông đường bộ và các nội dung liên quan của Quy định này;

c) Cơ quan Công an xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền đối với các vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên đất dành cho đường bộ theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và quy định tại Thông tư số 39/2011/TT-BCA ngày 21/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn, đơn đốc, chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản có liên quan đến việc chấp thuận đầu nối đường nhánh vào quốc lộ, đường tỉnh và các nội dung có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông.

3. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan giải tỏa các công trình nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật.

4. Cung cấp cho UBND cấp huyện các tài liệu liên quan đến quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông các tuyến đường tỉnh và quốc lộ được ủy thác quản lý,

gồm các văn bản quy phạm pháp luật, quyết định công bố cấp đường, quyết định điều chuyển các tuyến đường, tài liệu quản lý tuyến, quyết định phê duyệt, bổ sung quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

5. Chỉ đạo Ban quản lý bảo trì đường bộ và đơn vị quản lý đường bộ thực hiện nghiêm túc các quy định về tuần kiểm, tuần đường để kịp thời phát hiện các vi phạm trên đất dành cho đường bộ của các tuyến đường bộ được giao quản lý; yêu cầu đình chỉ, chấm dứt ngay hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả; kịp thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật; bố trí nhân lực, thiết bị, phương tiện phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quyết định của người có thẩm quyền.

6. Chỉ đạo Thanh tra Sở

a) Thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân địa phương, đơn vị quản lý đường bộ và các đơn vị liên quan xử lý kịp thời các vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo trách nhiệm và thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm tại điểm a khoản 3 Điều 13 Quy định này trên các tuyến đường được giao quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ hoàn thiện hồ sơ vi phạm công trình đường bộ, lấn chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giải tỏa. Trường hợp hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, chuyển hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

7. Hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường bộ được giao quản lý; ban hành các biểu mẫu liên quan trong tổ chức thi hành Quy định này.

8. Chấp thuận, cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ các hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh được giao quản lý.

9. Xây dựng kế hoạch ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, cắm mốc xác định phạm vi đất của đường bộ và mốc lộ giới đối với hệ thống đường tỉnh, quốc lộ ủy thác quản lý.

10. Tổng hợp tình hình vi phạm hành lang an toàn đường bộ, tình hình vi phạm quy định về tải trọng, kích thước thành thùng, xếp dỡ hàng hóa của phương tiện cơ giới đường bộ trên phạm vi toàn tỉnh và kết quả xử lý vi phạm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết.



Điều 16. Trách nhiệm của Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam

1. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ được giao quản lý.
2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng trong Khu kinh tế Đông Nam, các Khu Công nghiệp Nghệ An và các đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, giải tỏa các công trình trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ được giao quản lý.
3. Thực hiện nhiệm vụ quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường được giao quản lý; xử lý theo trách nhiệm các vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
4. Phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan xử lý kịp thời các vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phối hợp với đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ vi phạm công trình đường bộ, lấn chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị xử lý vi phạm hành chính và tổ chức giải tỏa. Trường hợp hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, chuyển hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
5. Chấp thuận, cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.
6. Xây dựng kế hoạch ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, cấm mốc lộ giới đối với các tuyến đường được giao quản lý.
7. Tổng hợp tình hình vi phạm hành lang an toàn đường bộ, tình hình vi phạm quy định về tải trọng, kích thước thành thùng, xếp dỡ hàng hóa của phương tiện cơ giới đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý; báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình vi phạm và kết quả xử lý vi phạm.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp; chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp các cơ quan chức năng, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn.
2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
4. Chủ trì, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; xử lý thu hồi đất của đường bộ đã

đền bù, giải tỏa theo quy định để bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ.

5. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật. Khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn có liên quan các tuyến quốc lộ, đường tỉnh phải đảm bảo tuân thủ quy định về đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, lấy ý kiến của cơ quan quản lý đường bộ; chấp hành nghiêm các quy định về quy hoạch, xây dựng đường gom, hệ thống thoát nước cho đường bộ; không được cấp quyền sử dụng đất thuộc phạm vi đất dành cho lối thoát nước ra sông, ao, hồ, kênh, mương và hệ thống tiêu thoát nước của đường bộ.

6. Chấp thuận, cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.

7. Thực hiện và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn đối với hoạt động của phương tiện cơ giới đường bộ, hoạt động khai thác khoáng sản; có biện pháp để ngăn chặn xử lý tình trạng vi phạm quy định về tải trọng, kích thước thành thùng, xếp dỡ hàng hóa của phương tiện cơ giới đường bộ trên địa bàn và kịp thời báo cáo để cơ quan chức năng xử lý.

8. Tiếp nhận, quản lý bảo trì, khai thác sử dụng hệ thống đèn tín hiệu điều khiển giao thông, điện chiếu sáng trên các tuyến đường sau khi được đầu tư xây dựng hoàn thành.

9. Tổ chức cắm mốc lộ giới đối với các tuyến đường huyện, đường đô thị thuộc phạm vi quản lý; xác nhận việc bàn giao mốc xác định phạm vi đất của đường bộ, mốc lộ giới giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ.

10. Chỉ đạo UBND cấp xã

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng thực hiện chỉnh lý biên động đất đai đối với đất của các cá nhân, tổ chức có liên quan đến phạm vi đất dành cho đường bộ, nhất là phần diện tích đất dành cho đường bộ đã có quyết định thu hồi đất;

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường giao thông nông thôn phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

11. Xử lý kịp thời vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các vụ việc vi phạm trên đất của đường bộ các tuyến quốc lộ, đường tỉnh đi qua địa bàn (mà diện tích đất đó chưa được thu hồi, bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ) do cơ quan quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ hoặc do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến xử phạt theo thẩm quyền quy định.



12. Xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các vi phạm hành lang an toàn đường bộ đối với tất cả các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường đô thị thuộc địa bàn quản lý và các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 13 Quy định này.

13. Bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến người dân và các tổ chức trên địa bàn; tổ chức quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn; tham gia tích cực công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ phát hiện các vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đối với tất cả các tuyến quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn.

2. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; tiếp nhận và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới, mốc xác định phạm vi đất của đường bộ.

3. Thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn về hoạt động của phương tiện cơ giới đường bộ, hoạt động khai thác khoáng sản; thực hiện biện pháp phù hợp để ngăn chặn xử lý các vi phạm quy định về tải trọng, kích thước, xếp dỡ hàng hóa lên phương tiện trên địa bàn và kịp thời báo cáo để cơ quan chức năng xử lý.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị chức năng thực hiện các biện pháp ngăn chặn vi phạm công trình đường bộ, đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ gồm: Gửi thông báo về việc vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý; vận động người vi phạm tự tháo dỡ các vi phạm; cử lực lượng bảo đảm an ninh trật tự, bảo đảm an toàn để đơn vị quản lý đường bộ thực hiện khôi phục lại tình trạng ban đầu của kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bị thay đổi do vi phạm gây ra (bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên; khơi thông công trình thoát nước bị san lấp, làm tắc dòng chảy; rào chắn các điểm đầu nối trái phép vào quốc lộ, đường tỉnh; cào bóc các lớp đất, đá, bê tông để hạ thấp mặt bằng bảo đảm thoát nước mặt đường...).

5. Tiếp nhận và xử lý kịp thời hồ sơ vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cơ quan quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ cung cấp; kịp thời xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các vụ việc vi phạm trên đất của đường bộ các tuyến quốc lộ, đường tỉnh đi qua địa bàn (mà diện tích đất đó chưa được thu hồi, bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ).

6. Phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các vi phạm xảy ra trên đất hành lang an toàn đường bộ; chuyển hồ sơ và đề nghị UBND cấp huyện xử lý các vụ việc vượt quá thẩm quyền.

7. Bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã; cắm mốc lộ giới đối với đường xã.

Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị quản lý đường bộ

1. Thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Điều 30 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phối hợp với cơ quan quản lý, sử dụng công trình đường bộ, Tuần kiểm đường bộ thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT; lập hồ sơ các vụ việc vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc tuyến đường được giao quản lý gửi cơ quan chức năng kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ, Thanh tra đường bộ và chính quyền địa phương thực hiện giải tỏa công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ.

3. Báo cáo cơ quan quản lý đường bộ và các đơn vị liên quan về công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo định kỳ hàng tháng, quý, đột xuất.

4. Kiểm tra, theo dõi, giám sát công tác thi công theo Giấy phép thi công công trình đấu nối, công trình thiết yếu, xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Tham gia nghiệm thu công tác hoàn trả hạng mục công trình đường bộ.

5. Cung cấp cho UBND cấp xã các tài liệu liên quan đến công tác quản lý đường bộ đối với từng tuyến (quyết định công bố cấp đường, quyết định điều chuyển tuyến đường, bình đồ duỗi thẳng và các tài liệu khác có liên quan).

6. Thực hiện các công việc về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chức năng, nhiệm vụ trên các tuyến được giao quản lý; huy động phương tiện, thiết bị, nhân công phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã, các lực lượng chức năng tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vụ việc xảy ra trên đất dành cho đường bộ.

Điều 20. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

1. Công an tỉnh

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo các phòng nghiệp vụ có liên quan, các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Thông tư số 39/2011/TT-BCA ngày 21/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Chỉ đạo các đơn vị, Công an cấp huyện, cấp xã bố trí lực lượng cảnh sát bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ theo quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ về phương án đấu nối, đất thoát nước của đường bộ, đường sắt và quy định liên quan hành lang an toàn giao thông trước khi trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Sở Xây dựng

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra kết quả thực hiện của các địa phương trong công tác quản lý trật tự xây dựng (cấp phép xây dựng; lập quy hoạch các khu công nghiệp ngoài Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An; khu đô thị, khu chung cư, nhà ở...) đảm bảo hành lang an toàn đường bộ;

b) Các dự án, công trình xây dựng có vị trí quy hoạch dọc hai bên quốc lộ, đường tỉnh, trong quá trình thẩm định quy hoạch, cơ quan chủ trì thẩm định phải lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ về phương án đấu nối, đất thoát nước của đường bộ và quy định liên quan hành lang an toàn đường bộ trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng.

4. Sở Công thương

Chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng các dự án, công trình công nghiệp, dịch vụ thương mại thuộc thẩm quyền quản lý hai bên đường bộ đảm bảo các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban QLKKT Đông Nam, Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết việc chấp hành các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tuyên truyền, hướng dẫn các chủ mỏ khai thác khoáng sản lắp đặt trạm cân để kiểm soát tải trọng phương tiện hoạt động trên đường bộ; yêu cầu các chủ mỏ chịu trách nhiệm hoàn trả, sửa chữa các công trình giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn các đơn vị liên quan lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, hành lang an toàn đường bộ;

b) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác đăng ký, chỉnh lý biến động đất đai, thu hồi đất dành cho đường bộ, bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Có giải pháp đảm bảo bền vững công trình thủy lợi, đề điều và các công trình giao thông trong trường hợp công trình đề kết hợp công trình giao thông; hướng dẫn việc sử dụng đất trong hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp, đảm bảo an toàn công trình giao thông và các quy định khác có liên quan; phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý KKT Đông Nam, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi liên quan đến công trình giao thông.

7. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý KKT Đông Nam, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; kiểm tra việc sử dụng kinh phí, quyết toán kinh phí theo quy định.



8. Các Sở: Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị xây dựng công trình thuộc lĩnh vực của ngành đảm bảo quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

9. Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An, Báo Nghệ An, Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã

Tăng cường phổ biến, tuyên truyền quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thông tin kịp thời việc chấp hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

10. Các sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sử dụng công trình thiết yếu

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu:

a) Kiểm tra, giám sát, chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu, các ảnh hưởng đến an toàn giao thông, độ bền vững kết cấu của công trình thiết yếu;

b) Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng và bảo hành chất lượng các công trình đường bộ bị ảnh hưởng do việc thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; khắc phục kịp thời các sự cố, hư hỏng hạng mục hoàn trả công trình đường bộ do lỗi thi công hoàn trả khi có thông báo của cơ quan quản lý đường bộ; chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng công tác hoàn trả hạng mục công trình đường bộ theo quy định là 12 tháng;

c) Nộp hồ sơ hoàn thành công trình đến cơ quan cấp phép thi công làm cơ sở để xác nhận hết bảo hành hạng mục hoàn trả công trình đường bộ; lưu trữ, bổ sung, cập nhật vào hồ sơ quản lý tuyến đường;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tai nạn giao thông khi thi công công trình thiết yếu;

đ) Xử lý đối với các công trình thiết yếu bị sự cố: Khi xảy ra sự cố công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu phải có trách nhiệm khắc phục ngay sự cố và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp không khắc phục kịp thời gây ảnh hưởng đến giao thông đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ tổ chức khắc phục để đảm bảo giao thông thông suốt và an toàn; chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu phải chịu trách nhiệm trước cấp thẩm quyền và phải hoàn trả kinh phí khắc phục sự cố cho cơ quan quản lý đường bộ;



e) Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công, phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền mà không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển; chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng, di chuyển công trình thiết yếu.

2. Trách nhiệm của chủ sở hữu, khai thác công trình thiết yếu

a) Quản lý, bảo trì công trình theo quy định, đảm bảo an toàn công trình.

b) Không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, các công trình xung quanh và công tác bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tai nạn khi thực hiện việc bảo dưỡng công trình thiết yếu;

d) Thực hiện việc đề nghị cấp Giấy phép thi công khi sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất công trình thiết yếu nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ, theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi gần nhất các hành vi vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Các cơ quan đoàn thể chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan hữu quan tuyên truyền, vận động chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình đường chuyên dùng chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chuyên dùng.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi phù hợp./.